

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH
VỀ PHÒNG CHỐNG SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE CỦA NGƯỜI DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG NĂM 2022-2023

Lâm Văn Dũng*, Nguyễn Trung Nghĩa

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: bslamdung73@gmail.com

Ngày nhận bài: 31/7/2023

Ngày phản biện: 26/10/2023

Ngày duyệt đăng: 03/11/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sốt xuất huyết Dengue là bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi-rút Dengue gây ra. Việt Nam nằm trong vùng dịch tễ sốt xuất huyết lưu hành cao và hiện nay là một trong 5 nước có gánh nặng sốt xuất huyết Dengue cao nhất ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan ở người dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 600 người dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023. **Kết quả:** Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $51,86 \pm 11,89$, 53,5% đối tượng nghiên cứu là nam. Kiến thức đúng chung đúng là 77,7%, tỷ lệ thái độ chung đúng là 97,3%. Thực hành đúng là 44,5%. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức là học vấn, nghề nghiệp ($0 < 0,05$). Một số yếu tố liên quan đến thái độ là kinh tế, kiến thức ($0 < 0,05$). Nghiên cứu tìm thấy liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành về phòng, chống sốt xuất huyết ($p < 0,05$). **Kết luận:** Tỷ lệ thực hành của người dân còn rất thấp, cần có biện pháp đẩy mạnh hơn nữa các biện pháp truyền thông nhằm nâng cao kiến thức của người dân về phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết.

Từ khóa: Sốt xuất huyết, sốt xuất huyết Dengue, kiến thức của người dân.

ABSTRACT

RESEARCH OF KNOWLEDGE, ATTITUDE, PRACTICE
ON DENGUE HEMORRHAGIC FEVER PREVENTION ON PEOPLE
IN VUNG LIEM DISTRICT, VINH LONG PROVINCE IN 2022-2023

Lam Van Dung*, Nguyen Trung Nghia

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Dengue hemorrhagic fever is an acute infectious disease caused by the dengue virus. Vietnam is located in the high endemic area of dengue fever and is currently one of the 5 countries with the highest dengue burden in the Asia-Pacific region. **Objectives:** Determining the ratio of knowledge, attitudes and practices on prevention and control of dengue fever and dengue fever and evaluating the results of communication interventions to improve knowledge, attitudes and practices and some risk factor in Vung Liem district, Vinh Long province in 2022-2023. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study and intervention on 600 people in Vung Liem district, Vinh Long province in 2022-2023. **Results:** The mean age of the study subjects was 51.86 ± 11.89 , 53.5% of the study subjects were male. General correct knowledge is 77.7%. The rate of correct attitude is 97.3%, The rate of correct practice was 44.5%. Some factors related to knowledge were education, occupation ($0 < 0.05$). Some factors related to attitude are economic, knowledge ($0 < 0.05$). The study found a relationship between knowledge, attitude and practice about dengue prevention and control ($p < 0.05$). **Conclusions:** The rate of people's practice about prevention and control of dengue hemorrhagic fever is still very low. It is

necessary to take measures to further promote communication measures to improve people's knowledge about Dengue hemorrhagic fever prevention and control.

Keywords: Dengue fever, Dengue hemorrhagic fever, people's knowledge.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt xuất huyết Dengue là bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi-rút Dengue gây ra. Đây là bệnh truyền qua côn trùng trung gian là muỗi vằn phổ biến nhất hiện nay [1]. Biến đổi khí hậu, trái đất nóng lên, gia tăng thương mại, du lịch cùng với bùng nổ dân số, đô thị hóa không theo kế hoạch, thiếu các biện pháp phòng chống hiệu quả đã làm cho Sốt xuất huyết hiện nay trở thành một vấn đề sức khỏe cộng đồng rất quan trọng. Hiện nay, sốt xuất huyết Dengue vẫn chưa có thuốc đặc trị, chưa có vắc-xin phòng ngừa hiệu quả. Diệt véc tơ là biện pháp hiệu quả nhất trong phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue và biện pháp này cũng được Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo trong chiến lược phòng chống sốt xuất huyết Dengue toàn cầu giai đoạn tiếp theo [2]. Theo Cục Y tế Dự phòng tính đến ngày 12/6/2022 Việt Nam có 62.966 ca mắc tăng 97% và 29 ca tử vong so với cùng kỳ năm 2021 [2].

Câu hỏi đặt ra chính là bên cạnh các yếu tố kinh tế, xã hội, tập quán, kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết Dengue và cũng như các biện pháp giáo dục sức khỏe mà chúng ta đã và đang thực hiện liệu có nâng cao kiến thức của người dân hay không và các yếu tố nào liên quan đến việc nâng cao kiến thức của người dân trong phòng chống sốt xuất huyết Dengue. Xuất phát từ đó nghiên cứu này: “Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống sốt xuất huyết Dengue của người dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023” được thực hiện với các mục tiêu sau: Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan ở người dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả những người dân từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống trên địa bàn huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long năm 2022-2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Người dân từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống trên địa bàn huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ít nhất 6 tháng. Có khả năng nghe hiểu và trả lời phỏng vấn. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những đối tượng vắng mặt cả 3 lần thu thập thông tin, người đang mắc các bệnh nặng không đi lại được (chấn thương cột sống, gãy xương...). Người bị câm điếc, bệnh tâm thần, thiếu năng trí tuệ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Cỡ mẫu mục tiêu được tính dựa và công thức ước lượng một tỷ lệ với cỡ mẫu thực tế là 600 người.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu bằng cách chọn mẫu ngẫu nhiên nhiều giai đoạn.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung: Tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, điều kiện kinh tế.

+ Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống sốt xuất huyết.

+ Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** số liệu được thu thập dựa trên phiếu thu thập thông tin hồ sơ bệnh án được soạn sẵn.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Phần mềm SPSS 26.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Biến số		Tần số	Tỷ lệ	Biến số		Tần số	Tỷ lệ
Nhóm tuổi	18-35 tuổi	45	7,5	Giới tính	Nữ	279	46,5
	35-49 tuổi	209	34,8		Nam	321	53,5
	≥50 tuổi	346	57,7	Nghề nghiệp	Nông dân	352	58,7
Trình độ học vấn	≤Tiểu học	214	35,7		Buôn bán	62	10,3
	THCS	253	42,2		CBCNV	30	5,0
	≥THPT	133	22,1		Công nhân	36	6,0
Kinh tế	Không nghèo	590	98,3		Nội trợ	100	16,7
	Hộ nghèo	10	1,7		Khác	20	3,3
Tổng số		600	100,0	Tổng số		600	100,0

Nhận xét: 57,7% người ≥50 tuổi, 53,5% nữ giới, 42,2% người có trình độ THCS, 58,7% là nông dân, 1,7% đối tượng nghiên cứu có điều kiện kinh tế nghèo.

Bảng 2. Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	Chưa đúng	134	22,3
	Đúng	466	77,7
Thái độ chung	Chưa đúng	16	2,7
	Đúng	584	97,3
Thực hành chung	Chưa đúng	333	55,5
	Đúng	267	44,5

Nhận xét: Tỷ lệ kiến thức chưa đúng là 22,3%, thái độ là 2,7%, thực hành là 55,5%.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng, chống bệnh sốt xuất huyết

Biến số	Đơn vị	Chưa đúng		Đúng		OR (KTC 95%)	P
		n	%	n	%		
Học vấn	Mù chữ	5	50,0	5	50,0	1	-
	Cấp 1	56	27,5	148	72,5	0,294 (0,078-1,104)	0,070
	Cấp 2	52	20,6	201	79,4	0,228 (0,061-0,854)	0,028
	Cấp 3	20	19,4	83	80,6	0,235 (0,059-0,928)	0,039
	> cấp 3	1	3,3	29	96,7	0,049 (0,004-0,598)	0,018*
Nghề nghiệp	Nông dân	99	28,1	253	71,9	1	-
	Buôn bán	7	11,3	55	88,7	0,333 (0,143-0,772)	0,010
	CBCNV	1	3,3	29	96,7	0,183 (0,023-1,487)	0,112*
	Công nhân	4	11,1	32	88,9	0,377 (0,128-1,116)	0,078*
	Nội trợ	15	15,0	85	85,0	0,415 (0,222-0,774)	0,006
	Khác	8	40,0	12	60,0	2,097 (0,791-5,559)	0,136

*: Fisher exact test

Nhận xét: có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và trình độ học vấn ($p \leq 0,05$).

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến thái độ phòng, chống bệnh sốt xuất huyết

Biến số	Đơn vị	Chưa đúng		Đúng		OR (KTC 95%)	p
		n	%	n	%		
Kinh tế	Không nghèo	14	2,4	576	97,6	10,286 (2,000-52,90)	0,027*
	Nghèo	2	20,0	8	80,0		
Kiến thức	Đúng	7	1,5	459	98,5	4,721 (1,724-12,928)	0,003
	Chưa đúng	9	6,7	125	93,3		
Tổng		16	2,7	584	97,3		

*: Fisher exact test

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thái độ và kinh tế, kiến thức của đối tượng nghiên cứu ($p \leq 0,05$).

Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến thực hành phòng, chống bệnh sốt xuất huyết

Biến số	Đơn vị	Chưa đúng		Đúng		OR (KTC 95%)	p
		n	%	n	%		
Học vấn	Mù chữ	9	90,0	1	10,0	1	-
	Cấp 1	120	58,8	84	41,2	0,133 (0,016-1,104)	0,062*
	Cấp 2	133	52,6	120	47,4	0,111 (0,013-0,919)	0,041*
	Cấp 3	57	55,3	46	44,7	0,133 (0,016-1,124)	0,064*
	> cấp 3	14	46,7	16	53,3	0,130 (0,013-1,286)	0,081*
Nghề nghiệp	Nông dân	222	63,1	130	36,9	1	-
	Buôn bán	25	40,3	37	59,7	0,326 (0,182-0,585)	<0,001
	CBCNV	12	40,0	18	60,0	0,350 (0,137-0,897)	0,029
	Công nhân	9	25,0	27	75,0	0,189 (0,084-0,422)	0,001
	Nội trợ	53	53,0	47	47,0	0,620 (0,391-0,982)	0,042
	Khác	12	60,0	8	40,0	0,806 (0,315-2,061)	0,653
Kinh tế nghèo	Không	326	55,3	264	44,7	1,890 (0,484-7,378)	0,524*
	Có	7	70,0	3	30,0		
Kiến thức	Đúng	239	51,3	227	48,7	2,232 (1,478-3,371)	<0,001
	Chưa đúng	94	70,1	40	29,9		
Thái độ	Đúng	320	54,8	264	45,2	3,575 (1,008-12,678)	0,042*
	Chưa đúng	13	81,3	3	18,8		
Tổng		333	55,5	267	44,5		

*: Fisher exact test

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành và đặc điểm nghề nghiệp, kiến thức và thái độ của đối tượng nghiên cứu ($p \leq 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung

Trong nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy tỷ lệ nam, nữ phân bố không đều, trong đó tỷ lệ nam cao hơn nữ với 53,5% là nam và 46,5% là nữ. Kết quả của tác giả Vương Văn Quang (2021) cho thấy ngược lại kết quả của chúng tôi, nữ cao hơn nam với 61,7% là nữ và 38,3% là nam [4]. Trong nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy tỷ lệ đối tượng ở độ tuổi ≥ 50 có tỷ lệ cao nhất với 57,7% và có tỷ lệ giảm dần theo nhóm tuổi. Đối tượng nghiên cứu

35-49 tuổi chiếm 34,85%. Tỷ lệ này tương đương với nghiên cứu của tác giả Vương Văn Quang (2021) với tỷ lệ nhóm đối tượng ≥ 50 tuổi là cao nhất với 43,7% [4], nghiên cứu của tác giả Huỳnh Thanh Hà và cộng sự (2019) nhóm tuổi 18-24 chỉ chiếm 6,7%, nhóm trên 64 tuổi chiếm 6,6% và nhóm từ 45-54 tuổi chiếm cao hơn các nhóm khác chiếm 28,1% [5], nghiên cứu của tác giả Lê Thành Tài, Nguyễn Thị Kim Yến (2008) tại Phong Điền, TPCT cho thấy độ tuổi >35 tuổi chiếm 62,6% [6]. Về trình độ học vấn của đối tượng trong nghiên cứu, nhận thấy tỷ lệ đối tượng có trình độ học vấn THCS chiếm 44,2%, kể đến 35,7% có trình độ học vấn tiểu học/dưới tiểu học. Kết quả tương tự với nghiên cứu của tác giả Vương Văn Quang (2021) có trình độ cấp I chiếm tỷ lệ cao nhất với 40,3% [4]. Kết quả của chúng tôi có sự chênh lệch về trình độ học vấn với nghiên cứu của tác giả Lê Thanh Hải và cộng sự (2018) trình độ học vấn, chiếm tỷ lệ cao nhất là Cấp III (34,81%) và cao thứ nhì là cao đẳng, đại học (28,18%), trình độ dưới cấp III chỉ chiếm 26,52% [7]. Trình độ học vấn trên tiểu học của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của tác giả Lê Thành Tài (2008) có tỉ lệ $<$ cấp I khá cao chiếm 50,9% [6]. Các đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi có phân bố nghề nghiệp nhiều nhất là nông dân (58,7%) và nghề nghiệp khác chiếm tỷ lệ thấp nhất với 3,3% bao gồm lái xe, khuyết tật, nhạc công, nghỉ hưu, thợ hồ, thợ may, thợ mộc, trang trí nội thất, xếp nhang. So với nghiên cứu của tác giả Vương Văn Quang (2021) cho thấy nghề nghiệp nông dân 35,1% chiếm ít hơn nghiên cứu của chúng tôi và nội trợ với 42,6% [4]. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của Lê Thanh Hải và cộng sự (2018) có 54,4% người dân làm ruộng. Theo kết quả nghiên cứu của Huỳnh Thanh Hà và cộng sự (2019) tại Bình Dương cho thấy nhóm tự làm chủ chiếm tỷ lệ cao nhất 40,5% và nhóm nghề nghiệp chiếm tỷ lệ thấp nhất là nội trợ chỉ chiếm 2,2% [5].

4.2. Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết và một số yếu tố liên quan

Qua nghiên cứu trên 600 đối tượng chúng tôi ghi nhận tỷ lệ các đối tượng có kiến thức chung đúng về phòng chống bệnh SXH là 77,7%. Tỷ lệ này trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn trong nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) tác giả này ghi nhận tỷ lệ kiến thức đúng chung của đối tượng về việc phòng chống bệnh SXH là 32,2% [4], nghiên cứu của Lê Thanh Hải (2018) với tỷ lệ này là 57,46% [7], Bùi Quách Yến và cộng sự (2022) với tỷ lệ là 65,2% [35]. Về thái độ về phòng chống bệnh SXHD của đối tượng thì qua kết quả nghiên cứu chúng tôi nhận thấy có tỷ lệ khá cao 97,3% đối tượng có thái độ đúng về vấn đề này. Kết quả này của chúng tôi cao hơn trong nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương và cộng sự (2022) là 48% [8], nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) với 66,3% [4]. Thực hành là yếu tố quan trọng nhất trong các yếu tố về phòng chống bệnh SXHD của đối tượng, vì nó quyết định đến các hành vi liên quan đến bệnh tật. Qua nghiên cứu chúng tôi ghi nhận có 44,5% đối tượng có thực hành chung đúng. Chúng tôi nhận thấy tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Lê Thành Tài, Nguyễn Thị Kim Yến (2008) chỉ 22,1% có thực hành đúng [6], Vương Văn Quang (2021) với 37,8% [4].

Nghiên cứu ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ kiến thức đúng của đối tượng nghiên cứu và trình độ học vấn với $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) cũng ghi nhận tương tự với $p < 0,05$ [4]. Nghiên cứu của Lê Thành Tài và Nguyễn Thị Kim Yến (2008) ($p = 0,001$) [6]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nghề

nghiệp với kiến thức đúng với $p < 0,05$. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của tác giả Vương Văn Quang (2021) với $p < 0,05$ [4].

Nghiên cứu ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ thái độ đúng của đối tượng nghiên cứu theo phân nhóm về kinh tế, $p = 0,027$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) ($p = 0,001$) [4]. Những đối tượng nghiên cứu có kiến thức đúng có tỷ lệ thái độ đúng về phòng, chống bệnh SXH, chỉ số chênh $OR = 4,721$ (KTC 95%: 1,724-12,928), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê $p = 0,003$. Kết quả nghiên cứu phù hợp với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) ($p < 0,001$) [4].

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận sự khác biệt về tỷ lệ thực hành đúng ở nhóm đối tượng nghiên cứu mù chữ với nhóm đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn là THCS, chỉ số chênh $OR = 0,111$ (KTC 95%: 0,013-0,919, $p = 0,041$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) ($p = 0,001$) [4]. Tỷ lệ thực hành chung đúng ở nhóm nông dân là thấp nhất (36,9%) và tỷ lệ này thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với các nhóm đối tượng nghiên cứu nghề nghiệp khác. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) thì chưa ghi nhận mối liên quan này ($p = 0,901$) [4]. Những đối tượng nghiên cứu có kiến thức đúng có thực hành đúng là 48,7% cao hơn 2,232 lần (KTC 95%: 1,478-3,371) so với nhóm có kiến thức chưa đúng với tỷ lệ là 29,9%, sự khác biệt này ghi nhận ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) ($p < 0,001$) [4]. Những đối tượng nghiên cứu có thái độ đúng có tỷ lệ thực hành đúng là 45,2% cao hơn 3,575 lần (KTC 95%: 1,008-12,678) so với nhóm đối tượng nghiên cứu có thái độ không đúng với tỷ lệ là 18,8%, sự khác biệt ghi nhận ý nghĩa thống kê với $p = 0,042$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Vương Văn Quang (2021) ($p < 0,001$) [4].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ thực hành của người dân còn rất thấp, cần có biện pháp đẩy mạnh hơn nữa các biện pháp truyền thông nhằm nâng cao kiến thức của người dân về phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa trình độ học vấn và kiến thức, kinh tế và thái độ, nghề nghiệp, kiến thức, thái độ và thực hành ($p \leq 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Quyết định 3705/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Sốt xuất huyết Dengue. 2019. Hà Nội.
2. Bộ Y tế. Tài liệu Hội nghị toàn Quốc, Hà Nội. 2021.
3. Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Văn Thúy, Đào Văn Kiên. Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành trong phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue của sinh viên Trường Đại học Hòa Bình. *Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình*. Số 04 - Tháng 6.2022. 119-124
4. Võ Văn Quang. Nghiên cứu chỉ số bọ gậy, kiến thức, thái độ, thực hành, phòng chống sốt xuất huyết Dengue của người dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng năm 2020-2021 và đánh giá kết quả can thiệp truyền thông. Luận văn tốt nghiệp Chuyên khoa cấp II. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2021.
5. Huỳnh Thanh Hà, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Văn Chinh, Trần Tấn Tài. Kiến thức, thái độ, hành vi phòng chống sốt xuất huyết của người dân sống tại Bình Dương năm 2018 và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*. Phụ Bản Tập 23. Số 2. 2019. 237-245.

6. Lê Thành Tài, Nguyễn Thị Kim Yến. Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến phòng sốt xuất huyết Dengue của người dân xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ - năm 2007. *Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh*. Tập 12. Phụ bản của Số 4. 2008..45-49.
 7. Lê Thanh Hải, Hồ Thị Kim Liên và nhóm sinh viên. Đề tài nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi của người dân tại khu phố 9 phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM về phòng chống sốt xuất huyết tháng 04 - năm 2018. Báo cáo thực tập thực địa. Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch. 2018. TP.HCM.
 8. Le Thi Thanh Huong, Doan Be Nam, Dao Le Hoang Minh, Nguyen Quynh Anh. Knowledge, Attitude And Practices On Dengue Prevention Of People In Dong Xuyen Ward, Long Xuyen City, An Giang Province In 2021. *Vietnam Journal of Community Medicine*. Vol 63. No 3. 2022. 142-150. DOI: 10.3390/ijerph16060976.
-